TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 36/2026/QĐST- DS	*Đồng Nai, ngày 10 tháng 04 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 04 năm 2026, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 108/2026/TLST- DS ngày 25 tháng 03 năm 2026, về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.
Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Điểu G, sinh ngày 14/07/1990; CCCD số: 070090009818 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự và xã hội cấp ngày 10/8/2021; địa chỉ: thôn P, xã L, tỉnh Đồng Nai.

* Bị đơn: Bà Thị P, sinh ngày 24/03/1937; CCCD số: 070137001551; địa chỉ: thôn P, xã L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Điểu Ly M, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn B, xã L, tỉnh Đồng Nai.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Thị Đ, sinh ngày: 01/01/1978; CCCD số: 070178004383; địa chỉ: Thôn P, xã L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Thị T, sinh ngày 20/10/1983; CCCD số: 070183005010; địa chỉ: Thôn P, xã L, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Thị M1, sinh ngày 03/05/1990; CCCD số: 070190007345; địa chỉ: Thôn P, xã L, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Thị D, sinh ngày: 01/01/1990; CMND số: 285599900; địa chỉ: Thôn P, xã L, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Điểu B (tên gọi khác là Điểu B1) để lại là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu: R 978233, vào sổ cấp giấy CNQSD đất số 436/QSDĐ ngày 22/12/2000 do UBND huyện P cấp cho hộ ông Điểu B; diện tích đất 3165 m^2, số thửa 01, tờ bản đồ L.H; địa chỉ đất: thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước (nay là thôn P, xã L, tỉnh Đồng Nai) và toàn bộ tài sản (cây điều) trên đất – (Theo số liệu tại trích lục bản đồ địa chính số:14/2023 ngày 31/01/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện P (nay là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – chi nhánh P1); số hiệu thửa đất: 128; tờ bản đồ địa chính số: 26 có diện tích là 3305,9 m^2).

Giá trị của di sản là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

2.2. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Điểu B (tên gọi khác là Điểu B1) gồm: Ông Điểu G, bà Thị P, bà Thị Đ, bà Thị T, bà Thị M1 và bà Thị D thống nhất chia di sản của cụ Điểu B cụ thể như sau:

- Ông Điểu G được quyền sử dụng diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu: R 978233, vào sổ cấp giấy CNQSD đất số 436/QSDĐ ngày 22/12/2000 do UBND huyện P cấp cho hộ ông Điểu B; diện tích đất 3165 m^2, số thửa 01, tờ bản đồ L.H; địa chỉ đất: thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước (nay là thôn P, xã L, tỉnh Đồng Nai) - Theo số liệu tại trích lục bản đồ địa chính số:14/2023 ngày 31/01/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện P (nay là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – chi nhánh P1); số hiệu thửa đất: 128; tờ bản đồ địa chính số: 26 có diện tích là 3305,9 m^2 và sở hữu tài sản gắn liền với đất.

(Có trích lục bản đồ địa chính kèm theo).

- Ông Điểu G có nghĩa vụ thanh toán phần di sản cho bà Thị P, bà Thị Đ, bà Thị T, bà Thị M1 và bà Thị D mỗi người 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Khi quyết định có hiệu lực pháp luật, ông Điểu G có quyền và nghĩa vụ liên hệ tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên mà các đồng thừa kế đã thống nhất chia cho ông Đ1 Gon theo quy định của Pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Mọi chi phí đăng ký biến động, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Điểu G1 tự chịu.

2.4. Án phí của vụ án là 2.500.000 đồng. Các đương sự thống nhất thỏa thuận ông Điểu G chịu, được trừ vào số tiền 2.500.000 đồng ông Điểu G1 đã đóng tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0006739 ngày 25/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Đồng Nai).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án; VKS tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát KV – 11;
- THA DS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Tịnh